

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4622 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng
vùng huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 9498/SXD-QH ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng

vùng huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 348/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Lộc).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

2. Phạm vi, quy mô ranh giới lập quy hoạch

2.1. Phạm vi ranh giới

Toàn bộ địa giới hành chính huyện Vĩnh Lộc, bao gồm 13 đơn vị hành chính (01 thị trấn và 12 xã), ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch cụ thể như sau:

- Phía Bắc: giáp huyện Thạch Thành;
- Phía Nam: giáp huyện Yên Định;
- Phía Tây: giáp huyện Cẩm Thủy;
- Phía Đông: giáp huyện Hà Trung.

2.2. Quy mô

Diện tích lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Lộc khoảng: 157,7 km², dân số 88.421 người (năm 2021).

3. Mục tiêu

- Cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, thống nhất các quy hoạch trên địa bàn huyện (QH sử dụng đất huyện; quy hoạch chung xây dựng các đô thị; các xã trên địa bàn huyện) làm công cụ để chi đạo toàn diện và thống nhất quản lý, là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công, thu hút đầu tư trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc.

- Tổ chức không gian phát triển của huyện Vĩnh Lộc đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa huyện Vĩnh Lộc với các huyện trong vùng liên huyện số 3, nhằm khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của huyện để phát triển nhanh, bền vững.

- Đánh giá kỹ các tiềm năng nổi trội, các cơ hội phát triển của huyện với tầm nhìn dài hạn. Khai thác tối đa lợi thế của huyện Vĩnh Lộc; Phải phù hợp với khả năng huy động vốn, sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực;

- Đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế xã hội của huyện Vĩnh Lộc gắn liền với việc giữ gìn môi trường, bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện.

- Đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

4. Tính chất, chức năng, vai trò của vùng

- Là trung tâm du lịch quốc gia, của tỉnh Thanh Hóa với sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử;

- Là vùng phát triển kinh tế nhanh và bền vững gắn với bảo tồn, phát huy giá trị di sản, trong đó thế mạnh là phát triển dịch vụ du lịch và nông nghiệp.

- Huyện Vĩnh Lộc có vị trí và vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của vùng liên huyện, là vùng chuyển tiếp giữa vùng đồng bằng và vùng miền núi của tỉnh thông qua QL 217 và QL 45.

5. Yêu cầu về dự báo sơ bộ quy mô vùng

Cơ sở để dự báo quy mô phát triển vùng huyện dựa trên: Các điều kiện tự nhiên, tiềm năng đất đai và quỹ đất xây dựng; hiện trạng về phát triển kinh tế, những khu vực kinh tế chủ đạo của huyện và từng địa bàn; Tình hình đầu tư công nghiệp, dân cư và phát triển đô thị, phân bố công trình hạ tầng xã hội, tăng trưởng dân số, xây dựng và quản lý đô thị, nông thôn, vv...

5.1. Yêu cầu lựa chọn chỉ tiêu về hạ tầng xã hội & hạ tầng kỹ thuật

Các chỉ tiêu kỹ thuật tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD. Trong đó lưu ý:

- Hệ thống hạ tầng xã hội bao gồm: Hệ thống dịch vụ - công cộng: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại và các công trình dịch vụ - công cộng cần tính toán quy mô theo các công trình cấp vùng.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Hệ thống giao thông; Hệ thống chiếu sáng công cộng; Hệ thống thông tin liên lạc (hạ tầng kỹ thuật viễn thông); Hệ thống cấp nước; Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (XLNT); Hệ thống quản lý chất thải rắn (CTR); Hệ thống vệ sinh công cộng; Hệ thống nhà tang lễ, nghĩa trang và cơ sở hỏa táng đảm bảo tiêu chí của đô thị loại V trở lên.

5.2. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số

- Hiện trạng (năm 2021): dân số toàn huyện khoảng 88.421 người, mật độ dân số 553 người/km²; Dân số đô thị khoảng 8.375 người (thị trấn Vĩnh Lộc), tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 9,52%.

- Dự báo đến năm 2025: Dân số toàn huyện khoảng: 95.344 người, mật độ dân số 604 người/km². Dân số đô thị (thị trấn) đạt khoảng 10.000 người, Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 10.49%. Hình thành đô thị Bồng với tiêu chuẩn đô thị loại V, quy mô khoảng 20.000 người.

- Dự báo đến năm 2030: Dân số toàn huyện đạt khoảng 105.371 người, mật độ dân số 668.17 người/km². Dân số đô thị khoảng 42.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 39,85%.

- Dự báo đến năm 2045: Dân số toàn huyện khoảng 131.378 người, mật độ dân số 833.1 người/km². Dân số đô thị khoảng 55.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 41.8%.

5.3. Dự báo sơ bộ về quy mô đất đai

* Dự báo đất xây dựng đô thị: tiêu chuẩn khoảng: 200-250 m²/người;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng: 240 ha-260 ha;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 1.200 ha-1.500 ha;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2045 khoảng 1.600 ha-1.800 ha.

(Các dự báo sẽ được nghiên cứu cụ thể trong quá trình lập quy hoạch, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045).

6. Nội dung yêu cầu nghiên cứu

Nội dung yêu cầu nghiên cứu đề án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng được điều chỉnh, bổ sung tại Điểm a Khoản 10 Điều 1 Nghị định 72/2019/NĐ-CP và các yêu cầu cụ thể như sau:

6.1. Các yêu cầu về thu thập số liệu, phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng

- Đánh giá hiện trạng phân bố đô thị và điểm dân cư nông thôn, sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch; hiện trạng sử dụng và quản lý đất

đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp huyện; hiện trạng tài nguyên và môi trường; hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch;

- Phân tích, đánh giá liên kết giữa huyện Vĩnh Lộc với các huyện trong vùng liên huyện, đặc biệt là vai trò của di sản thế giới thành nhà Hồ; vai trò của hành lang kinh tế QL 217 theo quy hoạch tỉnh. Đánh giá liên kết về kinh tế, xã hội huyện Vĩnh Lộc với các huyện trong vùng, từ đó có những giải pháp phù hợp kết nối hiệu quả, cùng phát triển.

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng huyện Vĩnh Lộc. Luận chứng khoa học về những tiềm năng nổi trội của huyện, từ đó có đánh giá tổng hợp về những cơ hội cũng như thách thức của huyện Vĩnh Lộc trong thời kỳ mới.

- Đánh giá về các điều kiện tự nhiên như: Khí hậu, thủy văn, địa hình địa mạo, địa chất công trình, địa chất thủy văn... để xác định các khu vực có quỹ đất xây dựng thuận lợi, các khu vực cần kiểm soát phát triển.

- Nghiên cứu, đánh giá những khu vực có nguy cơ lũ lụt, các khu vực có nguy cơ sạt lở làm cơ sở để có biện pháp ứng phó phù hợp.

- Đánh giá tình hình phát triển các đô thị (thị trấn Vĩnh Lộc và đô thị Bồng), các điểm dân cư nông thôn, tỷ lệ đô thị hóa, thực trạng quản lý đô thị; các cơ sở kinh tế chủ yếu phát triển vùng (công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông, dịch vụ, du lịch, thương mại, khoa học công nghệ, đào tạo...); hệ thống hạ tầng xã hội để làm cơ sở để xác định cơ cấu phát triển không gian.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, bao gồm: hiện trạng hệ thống giao thông từ đường xã trở lên, hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý CTR, công nghệ xử lý nước thải, CTR của các đô thị, các cụm công nghiệp, hiện trạng nghĩa trang, hiện trạng về tiêu thụ điện, nguồn điện và lưới điện, hiện trạng môi trường tự nhiên (nước, không khí, đất, hệ sinh thái...) và môi trường xã hội.

- Rà soát và đánh giá các đề án, các cơ chế chính sách quản lý và phát triển theo quy hoạch của tỉnh, các quy hoạch xây dựng đã có, dự án đầu tư cấp Quốc gia, cấp tỉnh, các dự án cấp huyện đã và đang triển khai. Đánh giá tính hiệu quả, sự phù hợp với tổng thể chung trong thời kỳ mới.

6.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian

- Xác định tiềm năng, động lực phát triển vùng huyện. Đối với vùng chức năng có tính chất đặc thù, vùng dọc tuyến hành lang kinh tế cần phải xác định rõ các yêu cầu nội dung phù hợp với định hướng chuyên ngành và mục tiêu phát triển.

- Xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển;

- Xác định mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính;

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục, thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị;

- Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng.

- Định hướng phát triển không gian vùng phải phù hợp với định hướng chung của tỉnh, trong đó yêu cầu xác định rõ vai trò huyện Vĩnh Lộc trong vùng liên huyện số 3 của tỉnh (gồm các huyện: Vĩnh Lộc, Hà Trung; Nga Sơn; Hậu Lộc; Thạch Thành và Thị xã Bim Sơn).

- Định hướng cụ thể trên từng giai đoạn về kinh tế - xã hội để làm cơ sở định hướng các ngành, lĩnh vực, xác định các nét đặc trưng riêng của huyện, các trụ cột để tập trung phát triển theo hướng: Du lịch; công nghiệp; nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ thương mại (đặc biệt là du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch nông nghiệp và trải nghiệm thiên nhiên).

- Đối với phân vùng phát triển: rà soát lại các vùng phát triển, đề xuất các vùng phát triển phù hợp với tiềm năng và lợi thế của từng khu vực gắn với việc bố trí đô thị hạt nhân; các khu chức năng, các khu vực sản xuất. Xác định các vùng phát triển (các khu vực phát triển đô thị); hạn chế phát triển (vùng trung thấp, các vùng có nguy cơ sạt lở...); các vùng bảo tồn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên các khu vực cảnh quan sinh thái, di tích...

- Rà soát đánh giá hiện trạng các cụm công nghiệp hiện nay, đề xuất mở rộng, di chuyển hoặc quy hoạch mới các cụm công nghiệp đảm bảo thuận lợi thu hút đầu tư và theo các định hướng quy hoạch ngành cấp trên. Xác định

các loại hình ưu tiên thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp theo hướng các cụm công nghiệp gắn với sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, trong đó ưu tiên các ngành công nghiệp sạch, thân thiện với môi trường. Khôi phục và phát triển các nghề truyền thống và các nghề mới phục vụ du lịch trên địa bàn huyện. Quy hoạch xây dựng thêm các làng nghề quy mô nhỏ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa nông thôn.

- Đối với các phát triển du lịch: nghiên cứu các loại hình du lịch phù hợp nhằm phát huy những tiềm năng nổi bật của Vĩnh Lộc như: thành nhà Hồ, vùng phát tích chúa Trịnh; vùng thắng cảnh động Kim Sơn; các loại hình du lịch nông nghiệp, kết nối các di tích lịch sử thành tuyến du lịch. Nghiên cứu bổ sung các loại hình du lịch cao cấp như: Resort; golf... xác định cụ thể không gian vùng phát triển dịch vụ du lịch, định hướng quy hoạch các khu, điểm du lịch. Nghiên cứu các loại hình du lịch phù hợp với văn hóa và phong tục tập quán của địa phương.

- Đối với các khu vực phát triển nông, lâm nghiệp: nghiên cứu xây dựng các vùng sản xuất, chăn nuôi theo hướng tập trung, ứng dụng công nghệ cao. Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế và môi trường, đa dạng hóa các sản phẩm lâm nghiệp, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm thế mạnh.

6.3. Yêu cầu về định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

Xác định hệ thống hạ tầng xã hội bao gồm: Hệ thống dịch vụ - công cộng: Y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại và các công trình dịch vụ - công cộng cần tính toán quy mô theo các công trình cấp vùng.

6.4. Yêu cầu về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng huyện:

Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng liên huyện, vùng huyện, gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cung cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.

- Về định hướng giao thông:

+ Phân tích mô hình giao thông, xác định khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên kết với các khu vực trọng điểm của tỉnh. Đối với giao thông nội huyện, lựa chọn khung giao thông để phát triển các khu vực mới và các đô thị dự kiến hình thành, tạo mối liên hệ hợp lý giữa đô thị với khu vực nông thôn.

+ Khai thác lợi thế các tuyến QL qua huyện (QL217 và QL45). Trong quá trình lập quy hoạch đề nghị định hướng phát triển hạ tầng giao thông trong khu vực phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển giao thông quốc gia và quy hoạch giao toàn tỉnh theo định hướng QH tỉnh.

- Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật: Phân tích, đánh giá về địa hình, các biến động về địa chất, cảnh báo các vùng cấm và hạn chế xây dựng, xác định các khu vực thuận lợi xây dựng, hạn chế tác động đến địa hình tự nhiên.

- Xác định các lưu vực, hướng thoát nước chính và các công trình tiêu thoát nước đầu mối, hệ thống đê điều, trạm bơm tiêu thoát lũ, chống ngập. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

- Về định hướng quy hoạch cấp nước: Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị; trung tâm huyện lỵ. Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm.

- Về định hướng quy hoạch cấp điện: Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: Phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng, điện sản xuất, điều chỉnh lưới truyền tải điện và phân phối điện theo nhu cầu phụ tải mới. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo.

- Về định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang: Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực. Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn, và nghĩa trang cấp vùng huyện.

- Định hướng hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động.

6.5. Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược và các yêu cầu khác

- Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm lớn (vùng đô thị, vùng công nghiệp, vùng khai thác khoáng sản...), các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng bảo tồn sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường của quy hoạch ở quy mô vùng (cấp nước vùng, giao thông vùng, xử lý chất thải liên đô thị, bảo vệ môi trường lưu vực sông...).

- Dự báo xu hướng các vấn đề môi trường do tác động của phân bố đô thị, dân cư, các hoạt động kinh tế, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong vùng; nêu các vấn đề môi trường đã và chưa được giải quyết trong đồ án quy hoạch.

Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch xây dựng và các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường; dự báo, so sánh tác động môi trường của các phương án quy hoạch.

- Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các vùng bảo vệ môi trường (các hành lang xanh, vùng di sản, lưu vực nguồn nước...).

6.6. Yêu cầu đối với việc đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên

Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo lực phát triển về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội và bảo vệ môi trường đợt đầu; sắp xếp danh mục các dự án theo thứ tự ưu tiên, yêu cầu về quy mô xây dựng, phân kỳ đầu tư, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn đầu tư.

Đề xuất các cơ chế quản lý quy hoạch và phát triển vùng, các nhóm giải pháp thực hiện quy hoạch.

7. Hồ sơ sản phẩm

7.1. Hồ sơ Quy hoạch

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn

7.2. Yêu cầu về hồ sơ

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu theo tỉ lệ;
- Số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định theo yêu cầu hội nghị.
- Hồ sơ lưu trữ 8 bộ hồ sơ màu in theo tỉ lệ, kèm theo 02 bộ hồ sơ màu in Ao (chủ đầu tư và cơ quan thẩm định lưu), 02 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung bản vẽ và các văn bản liên quan.

8. Nguồn vốn, kinh phí thực hiện:

- Nguồn vốn: Ngân sách huyện Vĩnh Lộc và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

- Giao UBND huyện Vĩnh Lộc căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng và các quy định có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán cho công tác tổ chức lập quy hoạch đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo tiết kiệm kinh phí lập quy hoạch.

9. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan Chủ đầu tư và trình duyệt hồ sơ: UBND huyện Vĩnh Lộc.
- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định.
- Thời gian hoàn thành: Không quá 09 tháng kể từ ngày nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H12.(2022)QĐPD_NV QHVVH Vĩnh Lộc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm